

Số: 37/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp C, xã N, thành phố BT, tỉnh BT.

- Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp TĐ, xã T, huyện C, tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 25 tháng 02 năm 2020 các đương sự thỏa thuận:

Về hôn nhân cả hai thuận tình xin ly hôn

Về con chung: Có 01 con chung: là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 15/9/2013. Sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi con chung. Anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: cả hai đều khai không có nên Tòa không xem xét

Về nợ chung: cả hai đều khai không có nên Tòa không xem xét.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Thanh T** và chị **Nguyễn Thị M**.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 15/9/2013. Anh T được tiếp tục nuôi con chung.

Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Không ai được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con cũng như việc đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: cả hai đều khai không có nên Tòa không xem xét

- Về nợ chung: cả hai khai đều không có nên Tòa án không xem xét.

- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh T và chị M phải nộp nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008828 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Anh chị đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND xã N, thành phố BT, tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong